

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MUỜNG ẢNG
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 25/2019/QĐST -HNGĐ

Muờng Ảng, ngày 01 tháng 7 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 34/2019/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 6 năm 2019 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản khi ly hôn*” giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Bá H, sinh năm 1984.

Nơi cư trú: SN X, tổ dân phố Y, thị trấn M, huyện M, tỉnh Điện Biên.

Bị đơn: Chị Trần Khánh H1, sinh năm: 1989.

Nơi cư trú: SN X, tổ dân phố Y, thị trấn M, huyện M, tỉnh Điện Biên.

Căn cứ vào điều 212, 213 của bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào điều 55, 57, 58, 71, 81, 82, 83, 84 và điều 86 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Căn cứ vào điều 147 BLTTDS; Khoản 7 điều 26, Điểm d, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 6 năm 2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21/6/2019 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành. Không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Bá H và chị Trần Khánh H1.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về hôn nhân: Thuận tình ly hôn.

2.2 Về con chung: Anh H và chị H1 có 01 người con chung là: Cháu Nguyễn Hà A, sinh ngày 20/8/2013. Anh H và chị H1 thỏa thuận, thống nhất việc giao nuôi con chung: Anh H sẽ là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Hà A cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị H1 có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản chị H1 thực hiện quyền này.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2.3 Về tài sản chung; tài sản riêng; nợ chung thu về; nợ chung phải trả:

*** Về tài sản chung:**

Anh H và chị H1 đã thỏa thuận thống nhất được về việc chia tài sản chung và được thể hiện bằng biên bản về việc thống nhất phân chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn, ngày 14/6/2019 (*Văn bản thỏa thuận này được lập và giao nộp cho Tòa án trước ngày hòa giải*). Anh H và chị H1 đề nghị Tòa án công nhận việc thỏa thuận chia tài sản chung của anh H và chị H1 và ghi vào bản án, quyết định của Tòa án. Cụ thể:

Anh Nguyễn Bá H được chia tổng giá trị tài sản chung là 600 triệu đồng bao gồm: 01 thửa đất số 71, tờ bản đồ số 21, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 443152, cấp ngày 05/5/2015, có diện tích là 150 m² có giá trị mảnh đất là 500 triệu đồng và các tài sản trên đất gồm 01 nhà cấp IV và các công trình phụ trợ, giá trị ngôi nhà cấp 4 là 80 triệu đồng, công trình phụ trợ gồm bể nước, tường rào có giá trị 20 triệu đồng.

Chị Trần Khánh H1 được chia tổng giá trị tài sản chung là 600 triệu đồng bao gồm: thửa đất số 72, tờ bản đồ số 21, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 730758, cấp ngày 25/7/2018 có diện tích là 157,5 m², giá trị mảnh đất 500 triệu đồng, và các tài sản trên đất gồm 01 nhà cấp IV giá trị nhà cấp 4 là 100 triệu đồng

*** Về tài sản riêng; nợ chung thu về; nợ chung phải trả:** Anh H và chị H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4 Về án phí: Anh H và chị H1 thỏa thuận thống nhất anh Nguyễn Bá H tự nguyện chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000^d (Một trăm năm mươi nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 24.300.000^d (Hai mươi bốn triệu ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên theo biên lai thu tiền số:

AB/2010/01810 ngày 03/6/2019, anh H và chị H1 không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm có giá ngạch. Anh H được hoàn trả lại 24.150.000^d (Hai mươi bốn triệu một trăm lăm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Mường Ảng;
- Chi cục THADS Mường Ảng;
- UBND xã Thái Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã Ký)

Nguyễn Văn Phương